TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121 / 2026/ HS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghi.
2. Ông Phạm Quốc Hưng.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Vũ Hải, Kiểm sát viên; ông Trần Văn T, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đoàn Thị M, sinh năm 1991 tại tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0371910073xx, cấp ngày 05/8/2022; Nơi cư trú: xóm I L (nay là thôn L), xã P, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L và bà Mai Thị X (đã chết); có chồng là anh Trương Minh T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", bị cáo có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Thị M: Anh Trương Minh T1, sinh năn 1991; trú tại: xóm I L (nay là thôn L), xã P, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Trần Thị Mai H, sinh năm 1983; nơi cư trú: xóm P (nay là thôn P), xã P, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1989; nơi cư trú: xóm P (nay là thôn K), xã P, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Người bào chữa của bị cáo Đoàn Thị M: Ông Nguyễn Quốc V - Luật sư, Công ty L4, thuộc đoàn Luật sư tỉnh N; địa chỉ: Số F, đường T, phường H, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

Người làm chứng: Bà Vũ Thị L2, có mặt. Chị Nguyễn Thúy N, chị Nguyễn Thị H1, chị Ngô Thị L3, bà Vũ Thị L2, chị Nguyễn Thị H2, bà Hoàng Thị T2, chị

Hoàng Thị N1 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Thị M, sinh năm 1991, trú tại xóm I, xã P, tỉnh Ninh Bình cùng mẹ đẻ là bà Mai Thị X, sinh năm 1964, nơi đăng ký thường trú tại xóm K, xã P, tỉnh Ninh Bình làm hoạt động huy động tiền từ người dân trên địa bàn xã P, tỉnh Ninh Bình dưới hình thức thu tiền đóng "ống" và nhận vay tiền từ năm 2016. Sau khi nhận tiền từ người dân, Đoàn Thị M dùng số tiền này để cho người khác vay với lãi suất cao hơn để hưởng chênh lệch lấy tiền chi tiêu và trả lãi cho người dân đã đóng ống.

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến tháng 7/2025, những người tham gia đóng tiền "ống" hay cho chị M vay tiền đều được trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ theo đúng thỏa thuận. Ngày 19/04/2025 bà X chết, từ cuối tháng 7/2025, Đoàn Thị M bắt đầu chậm trả các khoản tiền đến thời hạn phải trả cho những người dân tham gia đóng ống, cho M vay tiền, đồng thời nhiều người dân tìm cách liên lạc với M nhưng không được. M lấy lý do đang điều trị bệnh tại bệnh viện để tránh mặt người dân. Nhận thấy M có biểu hiện trốn tránh, một số người dân viết đơn trình báo đến đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N. Qua xác minh đã phát hiện Đoàn Thị M có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với chị Trần Thị Mai H và Nguyễn Thị L1 cụ thể như sau:

* Đối với chị Trần Thị Mai H:

Tháng 6/2022, chị H cần tiền để chi tiêu cá nhân nên hỏi vay tiền của M và được M đồng ý. Ngày 11/6/2022, chị H vay của M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi suất 20%/tháng, trả trong vòng 30 ngày. Mỗi ngày chị H phải trả cho M số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), gồm 3.333.333 đồng tiền gốc và 666.667 đồng tiền lãi. Sau 30 ngày chị H phải thanh toán cho M tổng số tiền là 120.000.000 đồng.

Đến ngày 13/6/2022, chị H tiếp tục vay của M số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với lãi suất 20%/tháng, trả trong vòng 30 ngày. Mỗi ngày chị H phải trả cho M số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), gồm: Tiền gốc là 6.666.667 đồng và tiền lãi là 1.333.333 đồng. Sau 30 ngày chị H phải trả cho M tổng số tiền là 240.000.000 đồng.

Đến ngày 21/6/2022, chị H tiếp tục vay của M số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) với mức lãi suất 20%/tháng, trả trong 30 ngày. Mỗi ngày chị H phải trả cho M số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) gồm: 13.333.333 đồng tiền gốc và 2.666.667 đồng tiền lãi. Sau 30 ngày chị H phải trả cho M tổng số tiền là 480.000.000 đồng.

Chị H và M thống nhất với nhau tiền đóng lãi sẽ được tính bắt đầu từ ngày vay tiền. Đối với mỗi khoản vay việc thanh toán tiền lãi được chị H thực hiện dưới hai hình thức là trả tiền mặt hoặc chuyển tiền từ số tài khoản 3309919836666 của

chị H mở tại Ngân hàng N3 đến số tài khoản 3309205049336 của M mở tại Ngân hàng N3.

Quá trình trả tiền lãi của chị H cho Đoàn Thị M được thể hiện cụ thể như sau:

- Ngày 13/6/2022, chị H chuyển tiền cho M 2 lần, mỗi lần chuyển số tiền 11.200.000 đồng, gồm: số tiền 7.200.000 đồng là tiền đóng ống chị H tham gia từ trước với M, số tiền 4.000.000 đồng là số tiền lãi và tiền gốc mà chị H phải trả theo thỏa thuận với M cho khoản vay 100.000.000 đồng. Do ngày 12/6/2022, chị H không có tiền thanh toán nên trong ngày 13/6/2022, chị H đã chuyển cho M thêm số tiền 11.200.000 đồng để trả bù cho ngày 12/6/2022.

- Ngày 15/6/2022, chị H chuyển tiền cho M 2 lần, mỗi lần chuyển số tiền 19.200.000 đồng, gồm: Số tiền 7.200.000 đồng là tiền đóng ống chị H chơi từ trước với M, số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 100.000.000 đồng; số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 200.000.000 đồng. Chị H chuyển hai lần là để trả bù cho ngày 14/6/2022, do ngày 14/6/2022, chị H chưa chuyển được cho M theo thỏa thuận.

- Trong các ngày 16; 17 và ngày 18/6/2022, mỗi ngày chị H đều chuyển cho M số tiền 19.200.000 đồng, gồm: số tiền 7.200.000 đồng là tiền đóng ống chị H chơi từ trước với M, số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 100.000.000 đồng; số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 20/6/2022, chị H chuyển tiền cho M 2 lần, mỗi lần chuyển số tiền 19.200.000 đồng, trong đó: số tiền 7.200.000 đồng là tiền đóng ống chị H chơi từ trước với M; số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 100.000.000 đồng; số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 200.000.000 đồng. Chị H chuyển hai lần là để trả bù cho ngày 19/6/2022 chị H chưa chuyển tiền cho M theo thỏa thuận.

- Ngày 21; 22; 23; 24/6/2022, chị H chuyển tiền cho M 04 lần, mỗi lần đều chuyển số tiền là 35.200.000 đồng, trong đó: số tiền 7.200.000 đồng là tiền đóng ống chị H chơi từ trước với M, số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 100.000.000 đồng; số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 200.000.000 đồng; số tiền 16.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng.

- Ngày 25; 29/6/2022 (Dương lịch), chị H chuyển tiền cho M 02 lần; mỗi lần đều chuyển số tiền 35.300.000 đồng, gồm: số tiền 7.300.000 đồng là tiền đóng ống, số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 100.000.000 đồng; số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 200.000.000 đồng; số tiền 16.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng.

- Ngày 27/6/2022, chị H chuyển tiền cho M 2 lần, mỗi lần đều chuyển số tiền là 35.300.000 đồng, gồm: số tiền 7.300.000 đồng là tiền đóng ống chị H chơi từ trước với M; số tiền 4.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 100.000.000 đồng; số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi và gốc của khoản vay 200.000.000 đồng. Chị H chuyển hai lần là để trả bù cho ngày 26/6/2022, chị H chưa trả tiền được cho M theo thỏa thuận.

- Ngày 01/7/2022, do chị H không có đủ tiền tài khoản nên chị H chuyển khoản cho M số tiền 22.000.000 đồng, số tiền còn lại 13.300.000 đồng chị H trả bằng tiền mặt.

Từ ngày 02/7/2022 đến ngày 08/7/2022, các ngày chị H đều đóng đầy đủ tiền lãi và tiền gốc của 02 khoản vay 200.000.000 đồng và 400.000.000 đồng cho M bằng hình thức trả tiền mặt.

Tính đến ngày 08/7/2022 Dương lịch (tức ngày 10/6/2022 âm lịch), đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì chị H trả đầy đủ cho M tổng số tiền gốc và tiền lãi là 120.000.000 đồng. Còn đối với khoản 200.000.000 đồng thì chị H đã trả cho M tổng số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ M 40.000.000 đồng; đối với khoản nợ 400.000.000 đồng thì chị H đã trả cho M số tiền 272.000.000 đồng, còn nợ 208.000.000 đồng. Do không còn khả năng tiếp tục đóng tiền gốc và tiền lãi đối với 2 khoản vay 200.000.000 đồng và 400.000.000 đồng theo thỏa thuận nên chị H đã xin M chốt nợ để trả dần và được M đồng ý. Ngày 08/7/2022, M yêu cầu chị H chốt nợ và viết giấy nợ một khoản nợ mới 248.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu đồng) gồm: 40.000.000 đồng từ khoản vay 200.000.000 đồng (chị H phải trả cho M tổng số tiền 240.000.000 đồng nhưng chị H mới trả được 200.000.000 đồng); 208.000.000 đồng từ khoản vay 400.000.000 đồng (chị H phải trả cho M tổng số tiền là 480.000.000 đồng nhưng chị H mới trả cho M số tiền 272.000.000 đồng).

Sau khi chốt khoản nợ số tiền 248.000.000 đồng, chị H thỏa thuận cùng 02 người chị dâu của chị H là chị Phạm Thị O, sinh năm 1980, trú xóm A, xã P và chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982, trú tại phố N, xã P, tỉnh Ninh Bình cùng trả nợ với chị H theo hình thức trả dần bằng hình thức đóng ống 100 ngày. Đến nay, chị H đã trả đủ số tiền 248.000.000 đồng cho M.

Như vậy đối với 3 khoản vay nêu trên thì tổng số tiền lãi mà M thu của chị H là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), thu lợi bất chính là 128.493.151 đồng (một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi mốt đồng) trong đó: thu lợi từ khoản vay 100.000.000 đồng là 18.356.164 đồng; thu lợi từ khoản vay 200.000.000 đồng là 36.712.329 đồng; thu lợi từ khoản vay 400.000.000 đồng là 73.424.658 đồng.

* Đối với chị Nguyễn Thị Thu L1:

Năm 2023, chị Nguyễn Thị Thu L1 liên hệ với M để hỏi vay tiền và được M đồng ý. Sau nhiều lần vay tiền, đến ngày 28/7/2024 (tức ngày 23/6/2024 âm lịch) chị L1 và M gộp một số khoản vay thành tổng số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) với mức lãi suất 5.000đ/1triệu/ngày. Đến ngày 04/7/2024 âm lịch tức ngày 07/8/2024 dương lịch, chị L1 tiếp tục gộp các khoản vay còn lại không tính số tiền 130.000.000 đồng lần trước đã gộp với M, với tổng số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất là 5.000đ/1 triệu/ngày. Khi chốt các khoản vay trên thì chị L1 đến nhà M và viết giấy nợ thể hiện nội dung "Ngày 04/7/2024 chị L1 vay em M 220 triệu (hai trăm 20 triệu)" và ký tên xác nhận phía dưới, "Ngày 23/6/130 triệu/2024/ Chị L1 vay em M 130 triệu (một trăm 30 triệu)" và ký tên xác nhận phía dưới. Kể từ ngày chốt lãi thì chị L1 đóng tiền lãi đầy đủ cho M theo thỏa thuận, đối với khoản vay 130.000.000 đồng thì

mỗi ngày chị L1 phải trả 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi, đối với khoản vay 220.000.000 đồng thì mỗi ngày chị L1 phải trả 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng tiền lãi). Chị L1 đóng tiền lãi cho M bằng các hình thức: Trả tiền lãi bằng tiền mặt trực tiếp cho M và dùng số tài khoản ngân hàng A mở tại Ngân hàng TMCP C và số tài khoản ngân hàng C1 mở tại Ngân hàng N3 của chị L1 để giao dịch với số tài khoản 3309205049336 mở tại Ngân hàng N3 của M.

Trong trường hợp chị L1 không có tiền thì M sẽ cho chị L1 vay thêm một khoản tiền để trả lãi. Chị L1 tham gia đóng ống 100 ngày cho M và dùng số tiền lấy ống để trả lãi. Nếu M không cho lấy ống 100 ngày thì chị L1 vay nóng M một khoản tiền cũng với lãi suất là 5000đ/1 triệu/ngày.

Việc chị L1 trả tiền lãi cho M diễn ra đồng thời bằng cả chuyển khoản và trả tiền mặt nên các lần chuyển tiền không có quy luật cụ thể. Chị L1 dùng tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0983.702.013 để nhắn tin với tài khoản Zalo của M được đăng ký bằng số điện thoại 0986.947.283 (tài khoản Zalo của M hiển thị trên ứng dụng Zalo của của chị L1 là "Thanh Mùi"). Trong các cuộc nói chuyện giữa chị L1 và M trên ứng dụng Zalo thể hiện rõ nội dung mức lãi suất mà chị L1 phải trả cho M đối với khoản vay 130.000.000 đồng và 220.000.000 đồng là 5.000đ/1 triệu/ ngày. Quá trình điều tra xác định:

- Ngày 24/8/2024 dương lịch chị L1 vay Mùi 40.000.000 đồng và được M đồng ý. Sau đó, M chỉ chuyển cho chị L1 số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) được thể hiện ở giao dịch ngày 25/8/2024 M chuyển tiền từ STK 330920549336 của M đến STK 3309205171239 của chị L1. Số tiền 13.000.000 đồng, M tính là tiền lãi của các khoản vay cụ thể gồm: số tiền lãi 10 ngày của khoản vay 220.000.000 đồng là 11.000.000 đồng và cắt luôn 10 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng với số tiền là 2.000.000 đồng.

- Cùng ngày 24/8/2024 thì chị L1 được lấy 20.000.000 đồng tiền ống, M trừ luôn 20 ngày tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) chị L1 vay trước đó với số tiền 4.000.000 đồng, trừ 10 ngày tiền lãi của khoản vay 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) với số tiền 6.500.000 đồng, trừ luôn số tiền chị L1 phải đóng ống 4.400.000 đồng và trừ 630.000 đồng tiền hàng chị L1 mua của M nên M đã chuyển lại cho chị L1 số tiền 4.470.000 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) từ số tài khoản 330920549336 của M đến số tài khoản 3309205171239 của chị L1.

Bằng các hình thức trả lãi nêu trên, chị L1 đã trả đầy đủ tiền lãi cho M từ ngày chốt khoản vay đến cuối tháng 12/2024. Theo tài liệu sao kê thể hiện khoản tiền cuối cùng mà chị L1 chuyển cho M trong tháng 12/2024 phát sinh vào ngày 12/12/2024 với số tiền là 9.050.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tính đến ngày 12/12/2024 thì chị L1 đã đóng cho M số tiền 91.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay 130.000.000 đồng; 145.200.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay 220.000.000 đồng. Tổng số tiền M thu lợi bất chính từ hai khoản vay này là 210.315.068 đồng trong đó thu lợi bất chính từ khoản vay 130.000.000 đồng là 81.027.397 đồng, thu lợi bất chính từ khoản vay 220.000.000 đồng là 129.287.671 đồng.

* Kết quả trưng cầu giám định; việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- Ngày 09/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N ra Quyết định trưng cầu giám định số 7418/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Phân viện pháp y tâm thần Bắc Miền Trung giám định pháp y tâm thần đối với Đoàn Thị M. Tại bản kết luận giám định số: 15/KLGĐ ngày 31/3/2026 của Phân viện pháp y tâm thần Bắc miền T kết luận:

- Tại các thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong khoảng thời gian trước khi điều trị tại Bệnh viện T5 (trước ngày 20/7/2025), bị can Đoàn Thị M chưa bị bệnh tâm thần. Tại thời điểm này, bị can Đoàn Thị M đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Tại các thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong khoảng thời gian ngay trước và trong khi điều trị tại Bệnh viện T5 (từ ngày 20/7/2025 đến ngày 08/8/2025), bị can Đoàn Thị M bị bệnh: Các rối loạn sự thích ứng; theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F43.2. (Bệnh ở giai đoạn tiến triển). Tại thời điểm này, bị can Đoàn Thị M đủ khả năng nhận thức nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Tại các thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong khoảng thời gian sau khi điều trị tại Bệnh viện T5 (từ sau ngày 08/8/2025), bị tại thời điểm giám định bị can Đoàn Thị M bị bệnh: Các rối loạn sự thích ứng; theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F43.2. (Bệnh ở giai đoạn thuyên giảm). Tại thời điểm này, bị can Đoàn Thị M đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của Đoàn Thị M các tài liệu gồm:

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa sau có viết chữ "Hương GV", gồm 72 tờ, cả bìa, trong đó có 01 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa trước có viết chữ "Lan Kỳ", gồm 42 tờ, cả bìa, trong đó có 02 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa sau có viết chữ "Đức B", gồm 38 tờ, cả bìa, trong đó có 06 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa có in hình một con chim, in chữ "NoteBook" màu xanh, gồm 90 tờ, cả bìa, trong đó có 02 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa trước có viết chữ "Yến", gồm 40 tờ, cả bìa, trong đó có 04 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa trước có in chữ "Sổ nhật ký ZE:A" nhiều màu, gồm 74 tờ, trong đó có 27 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa trước có viết chữ "Ánh" màu đen và "L1 kỉ" màu đỏ, gồm 32 tờ, trong đó có 24 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa sau có viết chữ "Vải", gồm 24 tờ, cả bìa, mặt phía sau có ghi chữ "vải", trong đó có 02 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa trước có viết chữ "Cam xanh rẻ", "Lan" màu đen, gồm 44 tờ, cả bìa, trong đó có 10 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa màu cam, in họa tiết hình trái tim, ngôi sao, gồm 47 tờ, cả bìa, có 05 tờ bị xé rách, có 08 mặt có chữ.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (9x13)cm, bìa trước có viết chữ "Nho", gồm 42 tờ, cả bìa, trong đó có 11 mặt giấy có chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (21,5x15)cm, bìa bọc da màu đỏ, gồm 104 tờ, có 22 mặt ghi chữ viết.

- 01 (một) quyển sổ kích thước (17,5x25), bìa có ghi chữ "sổ nợ", gồm 81 tờ, có 11 mặt có chữ.

- 01 (một) quyển sổ có kích thước (13x19,5)cm, gồm 52 tờ, có 19 mặt chữ viết.

- 15 (mười lăm) tờ giấy KT (8,5x12,5)cm, có 05 tờ đôi, trên các tờ giấy đều có ghi chữ viết.

- 16 (mười sáu) tờ giấy KT (16,5x23,5)cm (có 06 tờ giấy đôi), các tờ giấy đều có ghi chữ.

- 06 (sáu) tờ giấy KT (19,5x29,5)cm gồm 03 tờ đôi có ghi chữ viết.

- 01 (một) tờ giấy A4 có ghi chữ viết.

- 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, màu bạc, dung lượng 2Gb, bên trong USB có lưu các tệp tin gồm:

+ 01 tệp tin video có tên "clip 1 Thiện Mùi", định dạng mp4, dung lượng 12.1 Mb.

+ 01 tệp tin video có tên "clip 2 Thiện Mùi", định dạng mp4, dung lượng 21.7Mb.

+ 01 tệp tin ghi âm có tên "Screenrecorder-2025-08-22-11-52-39-66 BE 202508221203001_1", định dạng mp3, dung lượng 21.1Mb.

+ 01 tệp tin video có tên "VIDEO_DOWNLOAD_1755837917824_1755838003865 BE 202508221147053_1", định dạng mp3, dung lượng 21.2 Mb.

+ 01 (một) USB nhãn hiệu Kingston, vỏ nhựa, màu đen, dung lượng 32Gb, bên trong USB có lưu các tệp tin gồm:

+ 01 tệp tin ghi âm có tên "Ghi âm bà X và V1 1", định dạng m4a, dung lượng 2.71 Mb.

+ 01 tệp tin ghi âm có tên "Ghi âm bà X và V1 2", định dạng m4a, dung lượng 1.30 Mb.

Các đồ vật, tài liệu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ việc truy tố, xét xử.

Quá trình Cơ quan điều tra Đoàn Thị M chưa thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 110/CT-VKSNBH, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Đoàn Thị M để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng người, đúng tội.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Thị M từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt tiền bổ sung từ 30 đến 50 triệu đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đoàn Thị M phải trả lại cho chị Trần Thị Mai H số tiền thu lời bất chính là 110.136.986 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu L1 số tiền thu lời bất chính là 129.287.672 đồng. Được khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính mà bị cáo M đã tự nguyện nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình để trả cho chị H 25.000.000 đồng và trả cho chị L1 25.000.000 đồng; bị cáo còn phải trả cho chị H số tiền 85.136.986 đồng và trả cho chị L1 số tiền 104.287.672 đồng.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo Đoàn Thị M phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước tổng số tiền 635.747.946 đồng. Gồm: Số tiền 600.000.000 đồng tiền gốc cho chị Trần Thị Mai H vay đã trả bị cáo là công cụ phạm tội và số tiền lãi trong mức quy định là 35.747.946 đồng (gồm: 9.863.014 đồng thu được từ việc cho chị H vay và 25.884.932 đồng thu được từ việc cho chị L1 vay).

Buộc chị Nguyễn Thị Thu L1 phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước số tiền 350.000.000 đồng là số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Đoàn Thị M.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc bị cáo Đoàn Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và nộp 11.971.232 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của bị cáo có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã ăn năn hối cải, khai nhận hành vi của mình, hiện đang nuôi con nhỏ bị khuyết tật về trí tuệ và đã tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính trả cho người vay, do vậy cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Hành vi phạm tội của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội. Sau khi phân tích nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo và sự ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện đang nuôi hai con nhỏ và có một con bị khuyết tật trí tuệ, trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đang có thai, nên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm n, s khoản 1,khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, xác định lời khai của bị cáo tại phiên tòa về số tiền vay, mức lãi và khoản tiền gốc, lãi đã trả cho bị cáo là đúng. Chị H đề nghị giải quyết khoản tiền lãi đã trả theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, đều nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện sửa chữa lỗi lầm đối với bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Đoàn Thị M đúng như nội dung của bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Xét thấy bị cáo M trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không nhận tội, bị cáo cho rằng việc bị cáo ghi chép sổ và thu lãi sau đó chuyển lại cho mẹ bị cáo (là bà X), bị cáo chỉ là làm giúp việc cho mẹ bị cáo, còn bản thân không cho ai vay tiền nên không có việc thu lãi của ai. Song trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo M đã nộp bản tự khai đề ngày 04/8/2026, trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình và khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung như bản cáo trạng đã truy tố, xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Bị cáo M đã cho chị Trần Thị Mai H vay lãi 03 lần cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 11/6/2022, chị H vay của M số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 20%/tháng (240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự), trả trong vòng 30 ngày. Mỗi ngày chị H trả cho M số tiền 4.000.000 đồng, gồm 3.333.333 đồng tiền gốc và 666.667 đồng tiền lãi. Sau 30 ngày chị H phải thanh toán cho M số tiền 120.000.000 đồng. Tính đến ngày 08/7/2022 (dương lịch) đối với khoản vay này chị H đã trả đầy đủ cho M về số tiền gốc là 100.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi. Trong đó tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm trong 30 ngày là: 100.000.000 đồng x 20% :

365 x 30 ngày = 1.643.836 đồng. Số tiền thu lời bất chính của M phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần cho vay lãi nặng này là: 20.000.000 đồng - 1.643.836 đồng = 18.356.164 đồng.

Lần thứ hai vào ngày 13/6/2022, chị H vay của M số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất 20%/tháng (240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự), trả trong vòng 30 ngày. Mỗi ngày chị H trả cho M số tiền 8.000.000 đồng, gồm 6.666.667 đồng tiền gốc và 1.333.333 đồng tiền lãi. Sau 30 ngày chị H phải thanh toán cho M số tiền 240.000.000 đồng. Tính đến ngày 08/7/2022 đối với khoản vay này chị H đã trả cho M số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ M 40.000.000 đồng. Trong đó tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm trong 30 ngày là: 200.000.000 đồng x 20% : 365 x 30 ngày = 3.287.671 đồng. Thực tế chị H đã trả cho M số tiền 40.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay này, số tiền thu lời bất chính của M phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần cho vay lãi nặng này là: 40.000.000 đồng - 3.287.671 đồng = 36.712.329 đồng.

Lần thứ ba vào ngày 21/6/2022, chị H vay của M số tiền 400.000.000 đồng, với lãi suất 20%/tháng (240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự), trả trong vòng 30 ngày. Mỗi ngày chị H trả cho M số tiền 16.000.000 đồng, gồm 13.333.333 đồng tiền gốc và 2.666.667 đồng tiền lãi. Sau 30 ngày chị H phải thanh toán cho M số tiền 480.000.000 đồng. Tính đến ngày 08/7/2022 đối với khoản vay này chị H đã trả cho M số tiền 272.000.000 đồng, còn nợ M 208.000.000 đồng. Trong đó tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm trong 30 ngày là: 400.000.000 đồng x 20% : 365 x 30 ngày = 6.575.324 đồng. Thực tế chị H đã trả cho M số tiền 80.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay này, số tiền thu lời bất chính của M phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần cho vay lãi nặng này là: 80.000.000 đồng - 6.575.324 đồng = 73.424.657 đồng.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì bị cáo M thu lợi bất chính số tiền 18.356.164 đồng là dưới 30.000.000 đồng, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt hành chính. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Toà án nhân dân Tối cao thì số tiền này không được cộng vào số tiền thu lời bất chính mà bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy tổng số tiền thu lời bất chính mà bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị H vay lãi nặng là: 36.712.329 đồng + 73.424.657 đồng = 110.136.986 đồng.

Bị cáo M đã cho chị Nguyễn Thị Thu L1 qua nhiều lần vay tiền: tính đến ngày 28/7/2024 chị L1 và M đã gộp các lần vay thành tổng số tiền 130.000.000 đồng với mức lãi suất 5000 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự), chị L1 phải đóng cho M số tiền: 650.000 đồng/ngày. Tính đến ngày 12/12/2024 thì chị L1 đã đóng cho M số tiền 91.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay này, như vậy số ngày mà chị L1 đã đóng lãi cho M là: 91.000.000 đồng : 650.000 đồng = 140 ngày. Tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm trong 140 ngày: 130.000.000 đồng x 20%: 365 x 140 ngày = 9.972.601 đồng. Số tiền thu lời bất chính của M phải chịu trách

nhiệm hình sự trong lần cho vay lãi nặng này là: 91.000.000 đồng - 9.972.601 đồng = 81.027.398 đồng.

Đến ngày 07/8/2024 chị L1 và M gộp một số khoản vay trước đó thành tổng số tiền 220.000.000 đồng với mức lãi suất 5000 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 mức lãi suất cao nhất 20%/năm quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự), chị L1 phải đóng cho M số tiền: 1.100.000 đồng/ngày. Tính đến ngày 12/12/2024 thì chị L1 đã đóng cho M số tiền 145.200.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay này, vậy số ngày mà chị L1 đã đóng lãi cho M là: 145.200.000 đồng : 1.100.000 đồng = 132 ngày. Tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm trong 132 ngày: 220.000.000 đồng x 20%: 365 x 132 ngày = 15.912.328 đồng. Số tiền thu lời bất chính của M phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần cho vay lãi nặng này là: 145.200.000 đồng - 15.912.328 đồng = 129.287.672 đồng.

Như vậy tổng số tiền thu lời bất chính mà bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho chị L1 vay là: 81.027.398 đồng + 129.287.672 đồng = 210.315.070 đồng.

Tổng cộng số tiền thu lời bất chính mà bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự là: 110.136.986 đồng + 210.315.070 đồng = 320.452.056 đồng.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lời bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Như vậy hành vi của bị cáo M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố đối với bị cáo Đoàn Thị M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, song hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đã làm ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội tại địa phương. Ngoài ra còn gây tâm lý hoang mang cho các hộ dân đã cho mùi vay tiền đến nay chưa thanh toán được, gây ra sự bất bình trong nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì mục đích hám lợi nên bị cáo đã thực hiện. Vì

vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo M thực hiện hành vi nhiều lần cho vay lãi nặng, số tiền thu lợi bất chính mỗi lần đều trên 30.000.000 đồng, nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang mang thai và đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lời bất chính. Ngoài ra bị cáo đang nuôi con nhỏ và bị khuyết tật trí tuệ, nên có tình tiết giảm nhẹ tại các điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật.

[3] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt nghiêm minh, buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo, đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo phạm tội vì lợi nhuận nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng thu giữ và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 600.000.000 đồng cho vay lãi nặng mà chị H đã trả cho bị cáo và số tiền lãi suất cao nhất (20%/năm) trong thời gian cho chị H, chị L1 vay tổng là 35.747.946 đồng (trong đó 9.863.014 đồng thu được khi cho chị H vay và 25.884.932 đồng thu được khi cho chị L1 vay), cần buộc bị cáo M phải nộp lại với tổng số tiền là 635.747.946 đồng để sung ngân sách Nhà nước, đây là số tiền sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền thu lời bất chính. Đối với chị L1 vay số tiền gốc 350.000.000 đồng, do chưa trả cho bị cáo M nay cần buộc chị L1 phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền thu lời bất chính mà bị cáo đã thu từ việc cho vay lãi nặng, theo quy định thì số tiền này được trả lại cho người vay. Do vậy buộc bị cáo M phải trả lại cho chị H số tiền 110.136.986 đồng và trả cho chị L1 số tiền 210.315.068 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo M vào ngày 13/7/2026 đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình, theo biên lai thu tiền số 0000157 để trả lại cho chị H số tiền 25.000.000 đồng và trả cho chị L1 số tiền 25.000.000 đồng.

Đối với vật chứng, tài liệu Cơ quan điều tra đã thu giữ trong quá trình điều tra được chuyển theo vụ án nay được tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[5] Trong quá trình điều tra: Đối với hành vi thu ống và vay tiền của các hộ dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N tiếp nhận tố cáo, phản ánh của 158 công dân liên quan đến Đoàn Thị M, ghi nhận tổng số tiền M đã nhận từ các công dân là 45.161.210.000 đồng. Quá trình điều tra, M cung cấp cho Cơ quan điều tra tài liệu thể hiện nhiều người đang nợ tiền của M và mẹ đẻ (bà X) nhưng chưa thanh toán được là 42.524.600.000 đồng. Đây là hình thức cho vay tiền, gửi tiết kiệm để lấy lãi, không vi phạm pháp luật hình sự. Việc huy động tiền của người dân diễn ra từ thời bà X và diễn ra trong thời gian dài. Từ năm 2016 cho đến ngày 29/4/2025 (ngày bà X chết) thì M huy động tiền cùng bà X, bà X là người quản lý dòng tiền, M và bà X vẫn thực hiện việc trả tiền cho những người dân đóng tiền đầy đủ theo thỏa thuận. Sau khi bà X chết thì M tiếp quản công việc của bà X, M vẫn chi trả tiền cho những người đến hạn trả tiền. Đồng thời người dân khi đưa tiền cho M thì đều biết M sẽ dùng tiền để cho người khác vay lãi cao hơn hoặc nhiều người không cần biết M sẽ làm gì với số tiền mà mình đóng cho M, chỉ cần Mùi trả tiền lãi đúng như thỏa thuận. Vì vậy việc M huy động tiền của người dân là việc thỏa thuận dân sự, không có dấu hiệu tội phạm. Cơ quan điều tra đã có văn bản thông báo cho các hộ đã đưa tiền cho M được biết.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi, bị kết án phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thị M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị M 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Đoàn Thị M phải trả lại cho chị Trần Thị Mai H số tiền thu lời bất chính là 110.136.986 đồng (một trăm mười triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu L1 số tiền thu lời bất chính là 210.315.068 đồng (hai trăm mười triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

Buộc bị cáo Đoàn Thị M phải nộp lại tổng số tiền là 635.747.946 đồng (sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng); trong đó tiền gốc cho vay lãi nặng là 600.000.000 đồng và khoản lãi theo mức lãi suất 20%/năm đã nhận trong thời giam cho vay lãi nặng là 35.747.946 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu L1 phải nộp lại số tiền vay của bị cáo Đoàn Thị M là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đoàn Thị M, ngày 13/7/2026 đã nộp lại số tiền thu lời bất chính là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình, theo biên lai thu tiền số 0000157 để trả lại cho chị Trần Thị Mai H số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu L1 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đoàn Thị M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và nộp 11.971.232 đồng (mười một triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, Người đại diện hợp pháp và Người bào chữa cho bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu, tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS. CA tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 -Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4- Ninh Bình;
- Bị cáo; Người đại diện HP; Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung